

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 40

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 0300741143 ngày 3 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất, lắp ráp và kinh doanh hệ thống điều hoà không khí, phát triển, quản lý bất động sản, và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

Công ty có trụ sở chính tại số 364 đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Chủ tịch
Ông David Alexander Newbigging	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên
Ông Đặng Hồng Tân	Thành viên
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đỗ Thị Trang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Quách Vĩnh Bình	Phó Tổng Giám đốc

từ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Mai Thanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 10.2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc: 



Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 60752771/19355558/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty"), được lập ngày 18 tháng 8 năm 2017, và được trình bày từ trang 5 đến trang 40 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		697.650.853.008	412.616.775.200
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	495.406.924.744	196.891.317.007
111	1. Tiền		102.406.924.744	16.891.317.007
112	2. Các khoản tương đương tiền		393.000.000.000	180.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	10	59.379.309.968	91.645.013.368
121	1. Chứng khoán kinh doanh		67.685.256.380	176.040.042.320
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(8.305.946.412)	(84.395.028.952)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		136.107.470.614	124.030.785.714
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	25.640.947.422	40.645.413.919
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		920.644.044	1.764.043.590
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	109.794.539.673	81.869.988.730
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(248.660.525)	(248.660.525)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		6.757.147.682	49.659.111
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	6.757.147.682	49.659.111
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.093.883.208.085	7.082.041.479.996
220	I. Tài sản cố định		15.500.757.388	16.323.864.948
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	6.771.609.575	7.366.939.935
222	Nguyên giá		21.412.929.480	21.412.929.480
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(14.641.319.905)	(14.045.989.545)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	8.729.147.813	8.956.925.013
228	Nguyên giá		15.135.432.540	15.135.432.540
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.406.284.727)	(6.178.507.527)
230	II. Bất động sản đầu tư	9	514.229.723.170	538.797.589.068
231	1. Nguyên giá		999.065.511.222	1.015.043.203.936
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(484.835.788.052)	(476.245.614.868)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		13.938.483.172	4.239.603.596
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		13.938.483.172	4.239.603.596
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	10	6.547.683.214.333	6.520.149.392.362
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.849.440.308.318	1.848.756.682.415
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		3.383.142.413.181	3.365.015.533.181
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.459.204.245.388	1.383.552.988.567
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(144.103.752.554)	(77.175.811.801)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.531.030.022	2.531.030.022
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22.3	2.531.030.022	2.531.030.022
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.791.534.061.093	7.494.658.255.196

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.263.527.952.643	1.039.441.565.996
310	I. Nợ ngắn hạn		674.829.463.433	325.308.512.878
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	18.333.739.814	18.315.926.398
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.727.077.752	4.405.034.972
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.076.437.493	20.309.018.923
314	4. Phải trả người lao động		-	1.253.900.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	12.779.871.590	13.333.383.123
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		465.356.970	82.250.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	14	41.296.123.677	42.897.143.323
320	8. Vay ngắn hạn	15	596.672.162.628	224.227.162.630
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		478.693.509	484.693.509
330	II. Nợ dài hạn		588.698.489.210	714.133.053.118
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	120.395.245.276	113.493.727.871
338	2. Vay dài hạn	15	468.303.243.934	600.639.325.247
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.528.006.108.450	6.455.216.689.200
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	6.528.006.108.450	6.455.216.689.200
411	1. Vốn cổ phần		3.100.588.410.000	3.100.588.410.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.100.588.410.000	3.100.588.410.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.050.233.348.786	1.050.233.348.786
415	3. Cổ phiếu quỹ		(83.026.660)	(83.026.660)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		200.979.473.252	200.979.473.252
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.176.287.903.072	2.103.498.483.822
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.607.417.002.222	936.604.529.713
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		568.870.900.850	1.166.893.954.109
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.791.534.061.093	7.494.658.255.196

Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Người lập

Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.1	266.451.502.470	358.621.434.279
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	18, 21	(77.274.085.268)	(176.664.661.290)
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		189.177.417.202	181.956.772.989
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	550.572.131.281	498.557.012.768
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	19	(133.968.430.608) (34.362.478.179)	(29.483.867.422) (26.393.440.189)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20, 21	(31.388.017.842)	(17.602.820.320)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		574.393.100.033	633.427.098.015
31	8. Thu nhập khác		2.687.070.395	2.949.126.548
32	9. Chi phí khác		(846.540.946)	-
40	10. Lợi nhuận khác		1.840.529.449	2.949.126.548
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		576.233.629.482	636.376.224.563
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(7.362.728.632)	(32.989.860.390)
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	22.3	-	345.795.590
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		568.870.900.850	603.732.159.763



Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		576.233.629.482	636.376.224.563
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	7, 8, 9	23.331.342.603	24.939.597.209
03	(Hoàn nhập) trích lập các khoản dự phòng		(9.161.141.787)	2.759.152.550
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(6.409.981)	113.443.771
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(546.918.219.852)	(497.878.770.546)
06	Chi phí lãi vay	19	34.362.478.179	26.393.440.189
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		77.841.678.644	192.703.087.736
09	Giảm các khoản phải thu		1.955.539.625	61.068.364.307
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		6.947.463.437	(72.507.331.290)
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		108.354.785.940	(866.348.250)
14	Tiền lãi vay đã trả		(34.922.905.712)	(26.777.893.656)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(33.290.266.927)	(34.103.151.775)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.000.000)	(996.645.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		126.880.295.007	118.520.082.072
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(9.698.879.576)	(3.448.676.145)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		1.659.090.909	491.827.273
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(127.942.695.443)	(149.105.179.267)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		33.411.824.522	37.507.330.000
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		525.645.384.997	474.333.594.849
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		423.074.725.409	359.778.896.710
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(51.684.000)
33	Tiền thu từ đi vay		629.000.000.000	124.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(388.891.081.315)	(471.006.862.858)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	16.3	(491.545.138.880)	(266.325.088.110)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(251.436.220.195)	(613.383.634.968)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		298.518.800.221	(135.084.656.186)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		196.891.317.007	683.804.340.853
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.192.484)	(216.777.486)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	495.406.924.744	548.502.907.181



Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo GCNĐKKD điều chỉnh mới nhất số 0300741143 ngày 3 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất, lắp ráp và kinh doanh hệ thống điều hoà không khí, phát triển, quản lý bất động sản, và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

Công ty có trụ sở chính tại số 364 đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 34 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 34 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 10.2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKTVN") khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4) và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào bất động sản đầu tư của Công ty trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Các chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cho thuê (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là chi phí phát sinh để có được quyền sử dụng và được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của quyền sử dụng đất (36 năm và 3 tháng) tính từ tháng 8 năm 2007.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm vi tính	3 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao hoặc hao mòn được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao hoặc hao mòn nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa hoặc một phần nhà cửa hoặc cả hai và cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu tiền cho thuê hoặc tăng giá trị hoặc cả hai hơn là phục vụ cho mục đích sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhằm mục đích hành chính hoặc kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường.

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đi vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong kỳ cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại, cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

- *Quỹ đầu tư phát triển*
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp hoàn thành.

Doanh thu từ hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng cung cấp và lắp đặt không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng cung cấp và lắp đặt đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng cung cấp và lắp đặt trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Thu nhập từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu khoản đầu tư đã được chuyển sang người mua.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có liên quan.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	105.932.208	75.529.406
Tiền gửi ngân hàng	102.300.992.536	16.815.787.601
Các khoản tương đương tiền	<u>393.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>495.406.924.744</u>	<u>196.891.317.007</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất bình quân khoảng từ 4,2% đến 5,5%/năm.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty TNHH Quốc tế liên doanh Taisei – Vinaconex	17.035.605.267	17.035.605.267
Liên doanh Kajima Taisei Obayashi – Maeda	-	15.303.750.000
Khách hàng khác	<u>8.605.342.155</u>	<u>8.306.058.652</u>
TỔNG CỘNG	<u>25.640.947.422</u>	<u>40.645.413.919</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(248.660.525)	(248.660.525)
<i>Trong đó:</i> <i>Phải thu các bên khác</i>	<i>25.640.947.422</i>	<i>40.645.413.919</i>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu cổ tức	98.093.365.096	77.823.252.000
Tạm ứng đầu tư dự án	8.471.573.534	1.319.095.260
Phải thu lãi tiền gửi	953.961.111	484.361.111
Phải thu khác	<u>2.275.639.932</u>	<u>2.243.280.359</u>
TỔNG CỘNG	<u>109.794.539.673</u>	<u>81.869.988.730</u>
<i>Trong đó:</i> <i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	<i>97.512.407.266</i>	<i>79.836.729.545</i>
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>12.282.132.407</i>	<i>2.033.259.185</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>15.535.842.267</u>	<u>5.495.528.464</u>	<u>381.558.749</u>	<u>21.412.929.480</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.605.254.100	1.358.505.318	309.758.749	5.273.518.167
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	11.457.923.528	2.254.729.928	333.336.089	14.045.989.545
Khấu hao trong kỳ	<u>238.611.764</u>	<u>344.751.929</u>	<u>11.966.667</u>	<u>595.330.360</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>11.696.535.292</u>	<u>2.599.481.857</u>	<u>345.302.756</u>	<u>14.641.319.905</u>
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>4.077.918.739</u>	<u>3.240.798.536</u>	<u>48.222.660</u>	<u>7.366.939.935</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>3.839.306.975</u>	<u>2.896.046.607</u>	<u>36.255.993</u>	<u>6.771.609.575</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>11.592.038.449</u>	<u>3.543.394.091</u>	<u>15.135.432.540</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	3.142.734.091	3.142.734.091
<i>Thế chấp (Thuyết minh số 15)</i>	135.576.000	-	135.576.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.850.300.103	3.328.207.424	6.178.507.527
Hao mòn trong kỳ	<u>161.000.533</u>	<u>66.776.667</u>	<u>227.777.200</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>3.011.300.636</u>	<u>3.394.984.091</u>	<u>6.406.284.727</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>8.741.738.346</u>	<u>215.186.667</u>	<u>8.956.925.013</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>8.580.737.813</u>	<u>148.410.000</u>	<u>8.729.147.813</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

					VND
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	774.704.294.593	239.702.205.888	90.250.454	546.453.001	1.015.043.203.936
Thanh lý	<u>(10.060.724.469)</u>	<u>(5.916.968.245)</u>	-	-	<u>(15.977.692.714)</u>
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	<u>764.643.570.124</u>	<u>233.785.237.643</u>	<u>90.250.454</u>	<u>546.453.001</u>	<u>999.065.511.222</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	76.370.958.189	79.097.286.523	90.250.454	546.453.001	156.104.948.167
<i>Thế chấp (Thuyết minh số 15)</i>	<u>247.548.592.704</u>	<u>99.503.698.377</u>	-	-	<u>347.052.291.081</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	298.414.574.934	177.194.336.479	90.250.454	546.453.001	476.245.614.868
Khấu hao trong kỳ	13.110.874.259	9.397.360.784	-	-	22.508.235.043
Thanh lý	<u>(8.001.093.614)</u>	<u>(5.916.968.245)</u>	-	-	<u>(13.918.061.859)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>303.524.355.579</u>	<u>180.674.729.018</u>	<u>90.250.454</u>	<u>546.453.001</u>	<u>484.835.788.052</u>
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>476.289.719.659</u>	<u>62.507.869.409</u>	-	-	<u>538.797.589.068</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>461.119.214.545</u>	<u>53.110.508.625</u>	-	-	<u>514.229.723.170</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2017. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 6 năm 2017

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 10.1)	37.685.256.380	146.040.042.320
Ủy thác đầu tư (Thuyết minh số 23)	30.000.000.000	30.000.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 10.1)	(8.305.946.412)	(84.395.028.952)
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	<u>59.379.309.968</u>	<u>91.645.013.368</u>
Dài hạn		
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 10.2)	1.849.440.308.318	1.848.756.682.415
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 10.3)	3.383.142.413.181	3.365.015.533.181
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 10.4)	1.459.204.245.388	1.383.552.988.567
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 10.4)	(144.103.752.554)	(77.175.811.801)
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn	<u>6.547.683.214.333</u>	<u>6.520.149.392.362</u>
TỔNG CỘNG	<u>6.607.062.524.301</u>	<u>6.611.794.405.730</u>

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 6 năm 2017.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10.1 Chứng khoán kinh doanh

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
	Công ty Cổ phần Điện Lực R.E.E	7.815.990.000	(4.971.934.367)	2.844.055.633	7.815.990.000	(4.971.934.367)	
Công ty Cổ phần Măng Cành	5.801.400.000	(2.262.204.714)	3.539.195.286	5.700.400.000	(2.262.204.714)	3.438.195.286	
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	-	-	-	60.411.760.000	(40.917.616.000)	19.494.144.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn	-	-	-	48.000.000.000	(35.714.113.000)	12.285.887.000	
Các khoản đầu tư khác	24.067.866.380	(1.071.807.331)	23.325.847.299	24.111.892.320	(529.160.871)	23.582.731.449	
TỔNG CỘNG	37.685.256.380	(8.305.946.412)	29.709.098.218	146.040.042.320	(84.395.028.952)	61.645.013.368	

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 6 năm 2017

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10.2 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư		
	(%)	VND	(%)	VND		
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Bất động sản R.E.E	100,00	6.000.000.000	100,00	6.000.000.000	TP HCM - Việt Nam	Dịch vụ quản lý văn phòng
Transorient Pte. Ltd.	100,00	5.841.857.500	100,00	5.841.857.500	Singapore	Thương mại và hậu cần
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	99,99	149.997.353.000	99,99	149.997.353.000	TP HCM - Việt Nam	Cơ điện
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	99,99	149.992.500.000	99,99	149.992.500.000	TP HCM - Việt Nam	Điện máy
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Việt Nam	99,97	200.000.000	99,97	200.000.000	TP HCM - Việt Nam	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Bất động sản R.E.E	99,97	650.592.000.000	99,97	650.592.000.000	TP HCM - Việt Nam	Bất động sản
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam	50,61	170.195.680.000	50,61	170.195.680.000	Hà Nội - Việt Nam	Bất động sản
Công ty Cổ phần Vĩnh Thịnh	99,96	5.128.562.025	99,96	5.128.562.025	TP HCM - Việt Nam	Điện máy
Công ty Cổ phần Phát triển điện Nông thôn Trà Vinh	66,49	56.252.866.009	66,49	56.252.866.009	Trà Vinh - Việt Nam	Kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	60,42	655.239.489.784	60,37	654.555.863.881	Yên Bái - Việt Nam	Thủy điện
TỔNG CỘNG		<u>1.849.440.308.318</u>		<u>1.848.756.682.415</u>		

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 6 năm 2017

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10.3 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	21,01	698.671.397.963	21,01	698.671.397.963	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	42,63	382.178.855.776	42,63	382.178.855.776	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	25,00	368.000.000.000	25,00	368.000.000.000	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng Idico	34,30	173.265.171.175	34,30	173.265.171.175	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền	25,47	59.910.716.000	25,47	59.910.716.000	Thủy điện
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	23,54	780.041.489.908	23,54	780.041.489.908	Nhiệt điện
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	24,61	55.515.588.342	24,61	55.515.588.342	Nhiệt điện
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	25,00	40.750.000.000	-	-	Phong điện
Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức	42,10	409.901.420.000	42,10	409.901.420.000	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	32,00	76.800.000.000	32,00	76.800.000.000	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	44,17	68.375.426.417	44,17	68.375.426.417	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước Sạch Sài Gòn	30,00	45.000.000.000	30,00	45.000.000.000	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	20,02	40.176.895.080	20,02	40.176.895.080	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	20,05	24.809.965.209	20,05	24.809.965.209	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An	-	-	29,00	22.623.120.000	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Than Núi Béo	23,81	59.389.030.169	23,81	59.389.030.169	Khai thác than
Công ty Cổ phần Than Đèo Nai	23,95	45.899.255.142	23,95	45.899.255.142	Khai thác than
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn (*)	28,87	54.457.202.000	28,87	54.457.202.000	Bất động sản
TỔNG CỘNG		3.383.142.413.181		3.365.015.533.181	

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 03/2017/NQ-DHCD ngày 3 tháng 4 năm 2017 Đại hội Cổ đông của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn ("SaigonRES") đã thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016. Theo Nghị quyết trên, SaigonRES phát hành thêm cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100% (mỗi cổ đông nắm giữ 1 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 19.799.989 cổ phiếu được phát hành thêm. Theo đó, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ của SaigonRES tăng từ 5.715.282 cổ phiếu lên 11.430.564 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

10.4 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	470.646.304.200	(62.418.380.100)	408.227.924.100	470.646.304.200	-	470.646.304.200	
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đứ	183.876.590.000	(73.737.556.000)	110.139.034.000	183.876.590.000	(73.737.556.000)	110.139.034.000	
Công ty Cổ phần Cấp nước Khánh Hòa	53.193.860.000	(2.842.420.000)	50.351.440.000	53.193.860.000	-	53.193.860.000	
Các khoản đầu tư dài hạn khác	751.487.491.188	(5.105.396.454)	746.382.094.734	675.836.234.367	(3.438.255.801)	672.397.978.566	
TỔNG CỘNG	<u>1.459.204.245.388</u>	<u>(144.103.752.554)</u>	<u>1.315.100.492.834</u>	<u>1.383.552.988.567</u>	<u>(77.175.811.801)</u>	<u>1.306.377.176.766</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả các bên khác	657.346.476	1.196.167.262
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 23)	<u>17.676.393.338</u>	<u>17.119.759.136</u>
TỔNG CỘNG	<u>18.333.739.814</u>	<u>18.315.926.398</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>49.659.111</u>	<u>6.707.488.571</u>	<u>-</u>	<u>6.757.147.682</u>
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.220.049.724	7.362.728.632	(26.582.778.356)	-
Thuế giá trị gia tăng	699.786.923	26.813.573.511	(26.677.006.127)	836.354.307
Thuế thu nhập cá nhân	389.182.276	13.762.659.324	(13.911.758.414)	240.083.186
Khác	-	207.646.907	(207.646.907)	-
TỔNG CỘNG	<u>20.309.018.923</u>	<u>48.146.608.374</u>	<u>(67.379.189.804)</u>	<u>1.076.437.493</u>

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí lãi vay	7.445.430.652	7.998.942.185
Chi phí đền bù	4.458.280.000	4.458.280.000
Chi phí khác	<u>876.160.938</u>	<u>876.160.938</u>
TỔNG CỘNG	<u>12.779.871.590</u>	<u>13.333.383.123</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên khác	11.869.038.256	13.333.383.123
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 23)	<u>910.833.334</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	41.296.123.677	42.897.143.323
Cổ tức phải trả	30.659.287.536	26.122.944.816
Chi phí dịch vụ quản lý	4.489.185.645	7.129.750.560
Các khoản phải trả khác	6.147.650.496	9.644.447.947
Dài hạn	120.395.245.276	113.493.727.871
Nhận đặt cọc tiền thuê văn phòng	120.395.245.276	113.493.727.871
TỔNG CỘNG	<u>161.691.368.953</u>	<u>156.390.871.194</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	157.202.183.308	149.261.120.634
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 23)</i>	4.489.185.645	7.129.750.560

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

15. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Nhận trong năm	Trả trong năm	Phân loại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vay ngắn hạn	224.227.162.630	629.000.000.000	(388.891.081.315)	132.336.081.313	596.672.162.628
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	299.000.000.000	(299.000.000.000)	-	-
Vay các bên liên quan (Thuyết minh 15.1)	-	330.000.000.000	-	-	330.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 15.2)	224.227.162.630	-	(89.891.081.315)	132.336.081.313	266.672.162.628
Vay dài hạn	600.639.325.247	-	-	(132.336.081.313)	468.303.243.934
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh 15.2)	600.639.325.247	-	-	(132.336.081.313)	468.303.243.934
TỔNG CỘNG	824.866.487.877	629.000.000.000	(388.891.081.315)	-	1.064.975.406.562

15.1 Vay ngắn hạn bên liên quan

Các khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán chịu lãi suất tương ứng từ 5,00% đến 5,60%/năm. Chi tiết thể hiện như sau:

Khoản tín dụng số	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày đến hạn	Mô tả tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E 01/REE-REEME/2017	200.000.000.000	Ngày 25 tháng 10 năm 2017	Tin chấp
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Thanh 01/2017	130.000.000.000	Ngày 22 tháng 8 năm 2017	Tin chấp
TỔNG CỘNG	330.000.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

15. VAY (tiếp theo)

15.2 Vay dài hạn ngân hàng

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán chịu lãi suất tương ứng từ 7,50% đến 8,60%/năm. Chi tiết thể hiện như sau:

Khoản tín dụng số	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày đến hạn	Mô tả tài sản thế chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam			
VNM140408CM	238.322.073.230	Ngày 25 tháng 8 năm 2019	Quyền sử dụng đất, tòa nhà và khoản thu từ cho thuê tại Tòa nhà REE, số 9 Đoàn Văn Bơ, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ("Tòa nhà REE")
VNM141190CM	63.333.333.332	Ngày 29 tháng 6 năm 2018	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn			
0112.HDTD.625.15. VIB	33.320.000.000	Ngày 29 tháng 6 năm 2020	Khoản thu từ cho thuê và cổ tức từ Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức theo Giấy chứng nhận cổ đông số 004/CĐ-TDW
0100.HDTD.625.16. VIB	400.000.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Khoản thu từ cho thuê và cổ tức từ công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức trong vòng 5 năm
TỔNG CỘNG	734.975.406.562		
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn	468.303.243.934		
Vay dài hạn đến hạn trả	266.672.162.628		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.696.168.100.000	1.050.233.348.786	(31.342.660)	200.979.473.252	1.610.638.902.713	5.557.988.482.091
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	603.732.159.763	603.732.159.763
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	404.420.310.000	-	-	-	(404.420.310.000)	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(269.614.063.000)	(269.614.063.000)
Mua lại cổ phiếu	-	-	(51.684.000)	-	-	(51.684.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>3.100.588.410.000</u>	<u>1.050.233.348.786</u>	<u>(83.026.660)</u>	<u>200.979.473.252</u>	<u>1.540.336.689.476</u>	<u>5.892.054.894.854</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.100.588.410.000	1.050.233.348.786	(83.026.660)	200.979.473.252	2.103.498.483.822	6.455.216.689.200
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	568.870.900.850	568.870.900.850
Cổ tức công bố (i)	-	-	-	-	(496.081.481.600)	(496.081.481.600)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>3.100.588.410.000</u>	<u>1.050.233.348.786</u>	<u>(83.026.660)</u>	<u>200.979.473.252</u>	<u>2.176.287.903.072</u>	<u>6.528.006.108.450</u>

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/2017/DHCD-NQ ngày 30 tháng 3 năm 2017, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") về kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 16% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông. Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 16% này, tương đương với 496.081.481.600 VND, vào ngày 1 tháng 3 năm 2017. Nguồn chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	310.058.841	310.058.841
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	310.058.841	310.058.841
Cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(7.915)	(7.915)
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	310.050.926	310.050.926

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

16.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông và phân phối cổ tức

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ	3.100.588.410.000	2.696.168.100.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	-	404.420.310.000
Số cuối kỳ	3.100.588.410.000	3.100.588.410.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	496.081.481.600	674.034.373.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	-	404.420.310.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	491.545.138.880	266.325.088.110

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng doanh thu	266.451.502.470	358.621.434.279
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ có liên quan</i>	266.451.502.470	260.254.822.080
<i>Doanh thu từ dịch vụ cung cấp và lắp đặt thiết bị</i>	-	98.366.612.199
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với các bên khác</i>	252.747.361.102	345.421.923.605
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	13.704.141.368	13.199.510.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

17. DOANH THU (tiếp theo)

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Cổ tức	539.535.812.687	474.050.642.595
Lãi tiền gửi	6.849.285.406	12.818.256.291
Lãi do bán các khoản đầu tư	4.113.104.427	10.518.586.167
Lãi chênh lệch tỷ giá	50.058.761	1.169.527.715
Khác	23.870.000	-
TỔNG CỘNG	<u>550.572.131.281</u>	<u>498.557.012.768</u>

18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ có liên quan	77.274.085.268	78.232.597.749
Giá vốn của dịch vụ cung cấp và lắp đặt thiết bị	-	98.432.063.541
TỔNG CỘNG	<u>77.274.085.268</u>	<u>176.664.661.290</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	67.474.750.600	2.759.152.550
Chi phí lãi vay	34.362.478.179	26.393.440.189
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	31.939.067.275	541.780
Lỗ chênh lệch tỷ giá	23.630.267	125.023.092
Khác	168.504.287	205.709.811
TỔNG CỘNG	<u>133.968.430.608</u>	<u>29.483.867.422</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nhân viên	21.839.314.864	8.054.639.822
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	4.698.957.716	5.228.558.530
Khấu hao và hao mòn	643.179.026	555.616.172
Chi phí khác	4.206.566.236	3.764.005.796
TỔNG CỘNG	<u>31.388.017.842</u>	<u>17.602.820.320</u>

21. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.284.879.407	157.509.238.783
Khấu hao và hao mòn (<i>Thuyết minh số 7, 8 và 9</i>)	23.331.342.603	24.939.597.209
Chi phí nhân viên	21.839.314.864	8.054.639.822
Chi phí khác	4.206.566.236	3.764.005.796
TỔNG CỘNG	<u>108.662.103.110</u>	<u>194.267.481.610</u>

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.362.728.632	32.989.860.390
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	(345.795.590)
TỔNG CỘNG	<u>7.362.728.632</u>	<u>32.644.064.800</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là bảng đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	576.233.629.482	636.376.224.563
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	115.246.725.896	127.275.244.913
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Các khoản chi phí không được trừ	23.165.273	92.323.327
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	-	86.625.079
Thu nhập cố tức không chịu thuế TNDN	<u>(107.907.162.537)</u>	<u>(94.810.128.519)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>7.362.728.632</u>	<u>32.644.064.800</u>

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán sáu tháng khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

22.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Dự phòng đầu tư tài chính	1.446.827.816	1.446.827.816	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	17.314.018	17.314.018	-	421.391.034
Khác	<u>1.066.888.188</u>	<u>1.066.888.188</u>	-	<u>(75.595.444)</u>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	<u>2.531.030.022</u>	<u>2.531.030.022</u>		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			-	<u>345.795.590</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

23. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Công ty.

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Vay	200.000.000.000	-
		Chi phí lãi vay	(2.115.555.555)	-
		Thu nhập cổ tức	105.600.076.810	60.072.660.045
		Doanh thu cho thuê	1.897.777.777	735.673.307
		Chi phí cung cấp hàng hóa và dịch vụ lắp đặt	-	(98.432.063.541)
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Thanh	Công ty con	Vay	130.000.000.000	-
		Chi phí lãi vay	(693.055.556)	-
Công ty Cổ phần Điện Máy R.E.E	Công ty con	Thu nhập cổ tức	10.032.883.575	15.580.995.968
		Doanh thu cho thuê	202.131.820	218.806.558
		Mua hàng hóa và dịch vụ lắp đặt	-	(1.663.732.700)
Công ty TNHH Quản Lý và Khai Thác Bất động sản R.E.E	Công ty con	Phí quản lý	(27.083.480.659)	(23.025.122.676)
		Doanh thu cho thuê	11.587.533.122	12.227.807.250

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

23. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Bất động sản R.E.E	Công ty con	Thu nhập cổ tức Doanh thu cho thuê	1.949.400.000 16.698.649	6.498.000.000 17.223.559
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty con	Thu nhập cổ tức	38.365.168.000	30.532.134.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam	Công ty con	Thu nhập cổ tức	28.576.074.240	77.563.630.080
Công ty Cổ phần Điện Nông thôn Trà Vinh	Công ty con	Thu nhập cổ tức	6.280.689.600	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Thịnh	Công ty con	Thu nhập cổ tức	2.998.800.000	-
Transorient Pte. Ltd.	Công ty con	Thu nhập cổ tức	197.637.096	417.434.002
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	89.875.512.000	177.788.625.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	62.671.854.000	72.359.350.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	52.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	43.329.650.000	-
Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	42.253.308.000	2.347.406.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	5.691.277.816	5.334.263.200
Công ty Cổ phần Than Núi Béo	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	4.844.553.450	5.284.967.400
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	4.749.150.000	-

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

23. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	2.628.304.000	2.996.872.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	1.527.470.000	-
Công ty Cổ phần Than Đèo Nai	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	1.409.881.600	2.305.260.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	1.333.281.600	1.333.281.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Công ty liên kết	Góp vốn	-	24.000.000.000

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

23. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty con	Trích trước doanh thu dịch vụ	2.123.689.195	1.885.771.099
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Trích trước doanh thu dịch vụ	100.772.860	94.165.568
Công ty Cổ phần Điện Máy R.E.E	Công ty con	Trích trước doanh thu quản lý	33.943.429	30.762.434
Công ty Cổ phần Bất động sản R.E.E	Công ty con	Trích trước doanh thu dịch vụ	3.056.686	2.778.444
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty liên kết	Phải thu cổ tức	52.800.000.000	-
Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức	Công ty liên kết	Phải thu cổ tức	42.253.308.000	-
Trans Orient Pte. Ltd.	Công ty con	Phải thu cổ tức	197.637.096	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết	Phải thu cổ tức	-	17.906.244.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Công ty liên kết	Phải thu cổ tức	-	59.917.008.000
			97.512.407.266	79.836.729.545
Đầu tư ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vĩnh Thịnh	Công ty con	Ủy thác đầu tư	30.000.000.000	30.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Chi phí dịch vụ lắp đặt	(17.035.605.268)	(17.035.605.268)
Công ty TNHH Quản Lý và Khai Thác Bất động sản R.E.E	Công ty con	Phí quản lý	(640.788.070)	(84.153.868)
			(17.676.393.338)	(17.119.759.136)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

23. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí trích trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Chi phí lãi vay	217.777.778	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Thanh	Công ty con	Chi phí lãi vay	693.055.556	-
			910.833.334	-
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty con	Phí quản lý	(4.489.185.645)	(7.129.750.560)
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Vay	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Thanh	Công ty con	Vay	130.000.000.000	-
			330.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

24. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đến 1 năm	315.029.947.482	309.106.978.931
Trên 1 – 5 năm	260.803.373.377	260.392.753.042
Trên 5 năm	-	2.079.289.875
TỔNG CỘNG	575.833.320.859	571.579.021.848

25. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2011, Công ty đã ký thỏa thuận tái cấu trúc để chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Vũng Áng II ("VAPCO"). Theo thỏa thuận này, mọi quyền lợi và rủi ro liên quan đến VAPCO đã được chuyển giao cho bên mua vào ngày 14 tháng 11 năm 2011. Khoản tiền nhận được từ việc chuyển nhượng này là 153.323.885.510 VND đã được thanh toán toàn bộ bởi bên mua và khoản tiền này sẽ không được hoàn lại trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Cũng theo thỏa thuận này, Công ty có khả năng nhận được thêm khoản tiền là 3.779.832 đô-la Mỹ cho việc chuyển nhượng đã nói trên phụ thuộc vào việc xảy ra hoặc không xảy ra của các sự kiện không chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai mà Công ty không hoàn toàn kiểm soát được. Khi thỏa thuận này kết thúc, các bên sẽ hoàn tất các thủ tục pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc quyết định không ghi nhận mà chỉ trình bày khoản tài sản tiềm tàng này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – "Dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng".

26. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 07/2017/QĐ-HĐQT-REE ngày 20 tháng 7 năm 2017, Hội đồng Quản trị chấp thuận việc mua lại 100% vốn góp từ các chủ sở hữu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Tín Hiệu Xanh ("Tín Hiệu Xanh"). Theo đó, vào ngày 15 tháng 8 năm 2017, Ban Giám đốc Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 100% vốn góp từ các chủ sở hữu của Tín Hiệu Xanh.

Ngoài sự kiện được trình bày ở trên, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Thị Huỳnh Phương
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc



Ngày 18 tháng 8 năm 2017